

## CHÖÔNG 5

### DÖİTOÀN TÀI CHÍNH

6- 1



## CHÖÔNG 5

- ❖ LẬP DÖİ TOÀN TÀI CHÍNH VÀO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
- ❖ TIẾN TRÌNH HOẠCH NỘNH TÀI CHÍNH
- ❖ DÖİTOÀN DOANH THU
- ❖ DÖİ TOÀN BẢO CẤP TÀI CHÍNH BẢNG PP TỶ LỆ % DOANH THU
- ❖ PHÂN TÍCH DÖİTOÀN
- ❖ NỘNH CHẾNH CÖNG SỬA DÖİTOÀN

6- 2



### LẬP DÖİTOÀN TÀI CHÍNH LÀ GÌ?

- ❖ Lập dđi toản tài chính (financial planning) là quá trình ban quản lý doanh nghiệp ra quyết định loại hình nào tổ và tài trợ cho khoản nào tổ nên theo thời gian.
- ❖ Kế hoạch tài chính (financial plan) là bản kế hoạch trình bày các khoản nào tổ của doanh nghiệp và phương án tài trợ cho các khoản nào tổ nên.

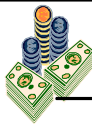
6- 3



### TIẾN TRÌNH HOẠCH NỘNH TÀI CHÍNH

- ◆ Dđi bản các bản tài chính với các kế hoạch hoạt động khác nhau.
- ◆ Xác định dòng vốn cần cho hoạt động.
- ◆ Dđi bản nguồn vốn nội sinh và vốn phải huy động thêm từ bên ngoài.

6- 4



## Các bước đối bài tài chính

- ◆ Đối bài doanh thu
- ◆ Đối bài tài sản cần cho hoạt động
- ◆ Đối bài nguồn vốn nội sinh
- ◆ Đối bài nguồn vốn phải huy động thêm từ bên ngoài
- ◆ Quyết định huy động vốn

6- 5



## ĐỐI TOÁN DOANH THU

- ❖ Thông kê doanh thu của 5 năm 10 năm trước.
- ❖ Dựa vào các chiến lược, kế hoạch môi trường và tương lai của công ty.
- ❖ Các yếu tố về cạnh tranh, thị trường trong ngành của công ty.
- ❖ Các điều kiện môi trường kinh tế và môi trường đối diện.



TOC NƠI TĂNG TRƯỞNG THEO HIỆN  
ỒU TOC NƠI TĂNG DOANH THU

6- 6



## ĐỐI TOÁN DOANH THU

### ĐỐI BÀI DOANH THU KHÔNG CHÍNH XÁC



Thị trường môi trường  
hơn môi trường công ty đối bài,  
công ty sẽ ảnh hưởng  
mặt khách hàng

Thị trường tăng trưởng  
thấp hơn công ty đối bài,  
công ty sẽ gặp khó khăn  
với MMTB do thiếu hàng  
tồn kho ứ đọng

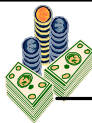
6- 7



## Đối toán doanh thu cho công ty MicroDrive

Năm	Doanh thu (triệu USD)
19X7	2.058
19X8	2.534
19X9	2.472
20X0	2.850
20X1	3.000
20X2	3.300 (đối toán)

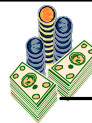
6- 8



## **DÖİTOÀN DOANH THU**

Những lập cho tổng sản phẩm, tổng  
bộ phận. Sau đó tổng hợp lại  
thành đối toán chung cho công ty.

6- 9



## **DÖİTOÀN BÀI CÁN TÀI CHÍNH**

Phương pháp thông thường sẽ  
dùng nhất để lập đối toán  
bảng cân đối kế toán và bảng  
cán thu nhập là phương pháp  
tỷ lệ % doanh thu.

6- 10



## **DÖİTOÀN TÀI CHÍNH THEO PP TỶ LỆ % DOANH THU**

- ♦ Phân tích các bài cân tài chính trong quá  
khởi
- ♦ Đối toán được bắt đầu với việc đối toán doanh  
thu, được thể hiện dưới các khoản tăng trưởng  
doanh thu.
- ♦ Mỗi số khoản mục trên bảng cân đối kế toán  
và bảng cân thu nhập được giá trị tính theo  
tỷ lệ với doanh thu.
- ♦ Các khoản mục không có quan hệ biến động  
chặt chẽ với doanh thu phải thuộc vào chính  
sách công ty và lựa chọn của ban quản lý

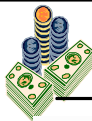
6- 11



## **DÖİTOÀN TÀI CHÍNH THEO PP TỶ LỆ % DOANH THU**

- ♦ Nếu tỷ lệ % doanh thu của các khoản  
mục được đối diện không thay đổi so với  
năm trước, các khoản mục đối toán sẽ  
thay đổi cùng tỷ lệ với doanh thu.

6- 12



## ĐỐI TOÁN TÀI CHÍNH THEO PP TỶ LỆ % DOANH THU

### Việc đối toán bao gồm:

- ❖ Đối toán nhu cầu tài sản cần thiết để đạt được mức tăng trưởng doanh thu nhờ đổi mới.
- ❖ Đối toán các khoản nội và vốn chủ sở hữu có thể tạo ra được trong quá trình hoạt động.
- ❖ Lấy nhu cầu tài sản cần thiết từ phần vốn có thể tạo ra để xác định nhu cầu tài trợ ngoài sinh tăng thêm.

6- 13



## Bước 1: Phân tích các tỷ số tài chính

	20X0 (%)	20X1 (%)	Trung bình 2 năm (%)	Trung bình ngành (%)
Chi phí bán hàng/D thu.	87,6	87,2	87,4	87,1
Tỷ lệ khấu hao TSCN	10,3	10,0	10,2	10,2
Tỷ lệ tiền mặt/D thu	0,5	0,3	0,4	1,0
Phải thu/D thu	11,1	12,5	11,8	10,0
Tồn kho/D thu	14,6	20,5	17,5	11,1
TSCN ròng/ D thu	30,5	33,3	31,9	33,3
Phải trả ngắn hạn/D thu	1,1	2,0	1,5	1,0
Phải trả khác/D thu	4,6	4,7	4,6	2,0

6- 14



## Bước 2: đối toán bản cân thu nhập

- ❖ Xác định các chi phí bán hàng bằng một tỷ lệ % doanh thu (có thể dựa trên biến phí bằng một tỷ lệ % doanh thu, hoặc phí không đổi).
- ❖ Khấu hao được xác định bằng một tỷ lệ % so với TSCN thuần, hoặc không đổi.
- ❖ Mức trích của đổi mới BCTN là xác định lợi nhuận mà công ty có thể giữ lại để tái đầu tư là bao nhiêu.

6- 15



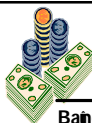
## Bước 2: đối toán bản cân thu nhập

Bảng 6.5

Bảng cân thu nhập năm 20X1 và đổi mới năm 20X2  
Công ty MicroDrive  
Đơn vị tính: triệu USD

	20X1	Có số đối toán	20X2
Doanh thu	3.000	1,1 x DT 20X1	3.300
Chi phí bán hàng	2.616	87,2% x DT 20X2	2.878
Khấu hao TSCN	100	10% x TSCN	110*
Tổng CPHN	2.716		2.988
EBIT	284		312

6- 16



## Bước 2: đối chiếu bảng cân thu nhập

Bảng 6.5

Bảng cân thu nhập năm 20X1 và đối chiếu năm 20X2  
Công ty MicroDrive  
Đơn vị tính: triệu USD

	20X1	Cô số đối toán	20X2
EBIT	284		312
Lãi vay	88		88
EBT	196		224
Thuế (40%)	78		90
Lãi nhuận ròng	118		134

6- 17



## Bước 2: đối chiếu bảng cân thu nhập

Bảng 6.5

Bảng cân thu nhập năm 20X1 và đối chiếu năm 20X2  
Công ty MicroDrive  
Đơn vị tính: triệu USD

	20X1	Cô số đối toán	20X2
Lãi nhuận ròng	118		134
Cổ tức ưu đãi	4		4 <sup>b</sup>
Lãi nhuận C/N	114		130
Cổ tức	58		62 <sup>c</sup>
LN giữ lại	56		68

6- 18



## Bước 3: đối chiếu bảng cân nội kế toán

- ❖ Doanh thu tăng lên tại sản phẩm phải tăng.
- ❖ Tiền, phải thu và hàng tồn kho tăng cùng tỷ lệ với doanh thu, ngược lại giảm cùng tỷ lệ với doanh thu.
- ❖ Trong dài hạn có mối quan hệ mật thiết giữa doanh thu và TSCN. Do nội giao hình tỷ lệ là TSCN/doanh thu trong dài hạn khoảng 10%. (Trong ngắn hạn có thể tăng doanh thu mà không cần tăng TSCN).

6- 19



## Bước 3: đối chiếu bảng cân nội kế toán

- ❖ Một số khoản mục nội hoạt động nhỏ: phải trả người bán, phải trả CNV, phải nộp NN sẽ tăng theo tỷ lệ % doanh thu, trả ra nguồn tài trợ tài trợ.
- ❖ Lãi nhuận giữ lại tăng lên, ngược lại giảm cùng tỷ lệ với doanh thu.
- ❖ Các khoản mục khác bên phải nguồn vốn không thay đổi theo % doanh thu ngược lại giảm cùng tỷ lệ với doanh thu tài trợ tài trợ của ban quản lý.
- ❖ Chính sách giữ tiền tại sản phẩm và nội và ngoại đối chiếu làm nhu cầu vốn ngoại sinh tăng thêm.

6- 20



### Böör 3: döörkieñ bang CÑKT

Bang 6.6

Bang CÑKT ngay 31/12/20X1 và döörkieñ 31/12/20X2  
Cöng ty MicroDrive  
ñön và tính: triêu USD

	20X1	Cö söödöi toaïn	20X2
Tiền mặt	10	$0,33\% \times \text{Dthu } 20X2$	11
NT ngân hain	0	→	0
Phải thu	375	$12,5\% \times \text{Dthu } 20X2$	412
Hàng tồn kho	615	$20,5\% \times \text{Dthu } 20X2$	677
Tổng TSLN	1.000		1.100
TSCN rong	1.000	$33,33\% \times \text{Dthu } 20X2$	1.100
Tổng tài sản	2.000		2.200

6- 21



### Böör 3: döörkieñ bang CÑKT

Bang 6.6

Bang CÑKT ngay 31/12/20X1 và döörkieñ 31/12/20X2  
Cöng ty MicroDrive  
ñön và tính: triêu USD

	20X1	Cö söödöi toaïn	20X2
Vay ngắn hain	110	→	110
Phải trả NB	60	$2\% \times \text{Dthu } 20X2$	66
Phải trả khác	140	$4,67\% \times \text{Dthu } 20X2$	154
Tổng nợ NH	310		330
Nợ dài hain	754	→	754
Tổng nợ	1.064		1.084

6- 22



### Böör 3: döörkieñ bang CÑKT

Bang 6.6

Bang CÑKT ngay 31/12/20X1 và döörkieñ 31/12/20X2  
Cöng ty MicroDrive  
ñön và tính: triêu USD

	20X1	Cö söödöi toaïn	20X2
CP ous nãi	40	→	40
CP thông	130	→	130
LN giữ lại	766	+68	834
Tổng vốn CP thông	896		964
Tổng nguồn vốn	2.000		2.088
Vốn cần huy ñöng thêm			112

6- 23



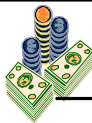
### Böör 4 : huy ñöng vốn tăng thêm

Các quãn trò viên tài chính söödöi vào các nhân toá

- ❖ Cấu trúc vốn mục tiêu của doanh nghiệp
- ❖ Ảnh hưởng của vay nợ đến tỷ số thanh toán ngắn hain
- ❖ Các ñiều kiện öüthửtröông vốn
- ❖ Các hạn chế của các hợp ñöng nội hain tài.

Nếu quyeñ ñöng nhu cầu vốn tăng thêm söödöi huy ñöng nhö thêm.

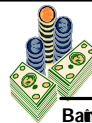
6- 24



#### Böör 4: Huy nõng vón tâng theâm

	Tyỷ lệ %	Gia trị	L suất
Vay ngán hân	25%	28	8%
Trái phiếu dài hạn	25%	28	10%
Có phiếu thông	50%	56	
	100%	112	

6- 25



#### Böör 4: döi kiế bảg CÑKT

Bảg 6.6

Bảg CÑKT döi kiế 31/12/20X2  
Cöng ty MicroDrive  
nõn và tĩh: triệ USD

	Làn hân	AFN	Làn 2
Tiền mặt	11		11
NT ngán hân	0		0
Phái thu	412		412
Hàng tồn kho	677		677
Töng TSLN	1.100		1.100
TSCN rong	1.100		1.100
Töng tài sản	2.200		2.200

6- 26



#### Böör 4: Döi kiế bảg CÑKT

Bảg 6.6

Bảg CÑKT döi kiế 31/12/20X2  
Cöng ty MicroDrive  
nõn và tĩh: triệ USD

	Làn hân	AFN	Làn 2
Vay ngán hân	110	+28	138
Phái trái NB	66		66
Phái trái khác	154		154
Töng nãi NH	330		358
Nãi dài hạn	754	+28	782
Töng nãi	1.084		1.140

6- 27



#### Böör 4: döi kiế bảg CÑKT

Bảg 6.6

Bảg CÑKT döi kiế 31/12/20X2  
Cöng ty MicroDrive  
nõn và tĩh: triệ USD

	Làn hân	AFN	Làn 2
CP ầu nãi	40		40
CP thông	130	+56	186
LN giölại	766		834
Töng vón CP thông	896		1.020
Töng nguõn vón	2.000		2.200
Vón cãm huy nõng theâm			00

6- 28



### Bước 5: Nhiều lần đổi toàn

Công ty phải trả lãi cho phần nội môi và chia cổ tức cho các cổ phần môi phải hành. Các khoản chi trả này sẽ làm giảm lợi nhuận giữ lại hoặc đổi toàn ở bảng cân đối thu nhập lần nữa.

6- 29



### Bước 5: Nhiều lần đổi toàn

- ❖ Đổi kiến chi phí lãi vay và cổ tức phát sinh thêm do huy động thêm các nguồn vốn bên ngoài.
- ❖ Tính vốn bên ngoài cần huy động thêm.
- ❖ Quá trình cứ tiếp tục, và nhu cầu vốn bên ngoài tăng thêm sau mỗi lần nhiều lần sẽ giảm dần và bằng 0.

6- 30



### Bước 5: Nhiều lần đổi toàn

Chi phí lãi vay tăng:

$$28 \times 8\% + 28 \times 10\% = 5,04 \text{ triệu}$$

Chi phí lãi vay mới:

$$88 + 5,04 = 93 (93,04)$$

Lợi nhuận trước thuế giảm: 5,04 triệu

Thuế TNDN giảm:  $0,4 \times 5,04 = 2$  triệu

Lợi nhuận sau thuế giảm:  $0,6 \times 5,04 = 3$  triệu

6- 31



### Bước 5: Nhiều lần đổi toàn

Số cổ phiếu mới phải hành:

$$56/23 = 2,4 \text{ triệu CP}$$

Cổ tức mỗi cổ phần 20X2: 1,15 USD

Cổ tức cho 2,4 triệu CP mới:

$$2,4 \times 1,24 = 3 \text{ triệu (2,97)}$$

Tổng cổ tức đổi kiến lần 2:

$$62 + 3 = 65 \text{ triệu USD}$$

6- 32





## Böör 5: Nieuu chanh BC thu nhap

Baig 6.7

Baig baig cao thu nhap doi kien nam 20X2  
Coing ty MicroDrive  
non va tinh: trieu USD

	Lain niau	Nieuu chanh	Lain 2
Doanh thu	3.300		3.300
Chi phi bang tien	2.878		2.878
Khaau hao TSCN	<u>110</u>		<u>110</u>
Tong CPHN	<u>2.988</u>		<u>2.988</u>
EBIT	312		312

6- 33



## Böör 5: Nieuu chanh BC thu nhap

Baig 6.7

Baig baig cao thu nhap doi kien nam 20X2  
Coing ty MicroDrive  
non va tinh: trieu USD

	Lain niau	Nieuu chanh	Lain 2
EBIT	312		312
Laau vay	<u>88</u>	+5	<u>93</u>
EBT	224		219
Thuea(40%)	<u>90</u>	-2	<u>88</u>
Loi nhuau rong	134		131

6- 34



## Böör 5: Nieuu chanh BC thu nhap

Baig 6.7

Baig baig cao thu nhap doi kien nam 20X2  
Coing ty MicroDrive  
non va tinh: trieu USD

	Lain niau	Nieuu chanh	Lain 2
Loi nhuau rong	134		131
Coattoi ou niau	<u>4</u>		<u>4</u>
Loi nhuau CN	<u>130</u>		<u>127</u>
Coattoi	62	+3	65
LN gioualai	<u>68</u>		<u>62</u>

6- 35



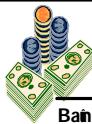
## Böör 5: Nieuu chanh baig CNKT

Baig 6.8

Baig CNKT doi kien 31/12/20X2  
Coing ty MicroDrive  
non va tinh: trieu USD

	Lain 2	NC	Lain 3
Tien mai	11		11
NT ngau hai	0		0
Phai thu	412		412
Hang ton kho	<u>677</u>		<u>677</u>
Tong TSLN	1.100		1.100
TSCN rong	<u>1.100</u>		<u>1.100</u>
Tong tai sai	<u>2.200</u>		<u>2.200</u>

6- 36



## Böör 5: Nieuu chanh bang CNKT

Bang 6.8

Bang CNKT doi kien 31/12/20X2  
Co ng ty MicroDrive  
non va tinh: trieu USD

	Lai 2	NC	Lai 3
Vay nga n hai	138		138
Phai trai NB	66		66
Phai trai khai	154		154
Tong noi NH	358		358
Noi dai hai	782		782
Tong noi	1.140		1.140

6- 37



## Böör 5: Nieuu chanh bang CNKT

Bang 6.8

Bang CNKT doi kien 31/12/20X2  
Co ng ty MicroDrive  
non va tinh: trieu USD

	Lai 2	NC	Lai 3
CP ou hai	40		40
CP thoo ng	186		186
LN gio dai	834	-6	828
Tong von CP thoo ng	1.020		1.014
Tong nguon von	2.200		2.194
Von can huy no ng the m	00		6

6- 38



## DÖITOAN NHU CAU VOIN

Döitoan nhu cau von bang cong thoi:

1. Xai nöh löö ng von co ng ty can trong mo t ky nao noi
2. Xai nöh löö ng von co ng ty coi the a tao ra trong ky noi
3. Xai nöh nhu cau tai tro ngoai sinh.

6- 39

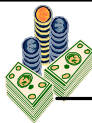


## DÖITOAN NHU CAU VOIN

$$\text{Von ngoai sinh can huy no ng the m} = \text{Nhu cau TS tang the m} - \text{Cai khoan noi hoat no ng tang the m} - \text{Loi nhua n gio dai tang the m}$$

$$EFN = (A^*/S_0) \cdot \Delta S - (L^*/S_0) \cdot \Delta S - PM \cdot S \cdot RR$$

6- 40



## DỒI TOÀN NHU CẦU VỐN

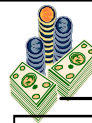
$$EFN = (A^*/S_0) \cdot \Delta S - (L^*/S_0) \cdot \Delta S - PM \cdot S_1 \cdot RR$$

EFN: Vốn cần huy động thêm

$A^*$ : Tài sản có của mỗi quan hệ biến động trực tiếp theo doanh thu (tài sản hoạt động).

$S_0$ : Doanh thu trong năm vừa qua

6- 41



## DỒI TOÀN NHU CẦU VỐN

$$EFN = (A^*/S_0) \cdot \Delta S - (L^*/S_0) \cdot \Delta S - PM \cdot S_1 \cdot RR$$

$L^*$ : Các khoản nợ hoạt động.

$L^*/S_0$  = tỷ lệ % nợ hoạt động/doanh thu.

$S_1$  Tổng doanh thu đối toán cho năm tới

$\Delta S$ : Thay đổi trong doanh thu =  $S_1 - S_0$ .

6- 42



## DỒI TOÀN NHU CẦU VỐN

$$EFN = (A^*/S_0) \cdot \Delta S - (L^*/S_0) \cdot \Delta S - PM \cdot S_1 \cdot RR$$

PM: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (lợi nhuận/doanh thu) cho biết lợi nhuận nội bộ từ mỗi đồng doanh thu.

RR: Tỷ lệ lợi nhuận giữ lại, phần trăm lợi nhuận giữ lại công ty.

6- 43



## Ví dụ Công ty MicroDrive

$$A^*/S_0: 2.000/3.000 = 0,6667.$$

$$L^*: 60 + 140 = 200$$

$$L^*/S_0: 200/3.000 = 0,0667$$

$$S_1: 3.300$$

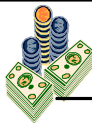
$$\Delta S: 3.300 - 3.000 = 300$$

$$PM: 114/3.000 = 0,038$$

$$RR: 56/114 = 0,491.$$

$$EFN = 0,667 \times 300 - 0,067 \times 300 - 0,038 \times 3.300 \times 0,491 = 200 - 20 - 62 = 118 \text{ triệu USD}$$

6- 44



### Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tài trợ ngoại sinh.

- ❖ Số tăng trưởng doanh thu-
- ❖ Công nợ vốn sử dụng ( $A^*/S$ )
- ❖ Các khoản nợ hoạt động/doanh thu ( $L^*/S$ )
- ❖ Tỷ lệ lãi ròng/doanh thu (PM)
- ❖ RR: Tỷ lệ lợi nhuận giữ lại

6- 45



### CÁC GIỚI HẠN CỦA CÔNG THỨC TÍNH AFN

- Công ty hoạt động hết công suất (full capacity)
- Các tỷ số tài chính không thay đổi.

6- 46



### NIỆU CHỈNH CÔNG SUẤT ĐỖ THỎA

Nếu công ty chưa đạt mức công suất tối đa, nhu cầu TSCN cần phải được điều chỉnh

$$\text{Doanh thu ở mức CS tối đa} = \frac{\text{Doanh thu thực tế}}{\text{Tỷ lệ \% công suất hiện tại}}$$

6- 47



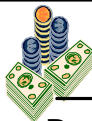
### NIỆU CHỈNH CÔNG SUẤT ĐỖ THỎA

Tỷ lệ TSCN/doanh thu mức tiêu bằng TSCN hiện tại chia cho doanh thu ở mức công suất tối đa

$$\text{Tỷ lệ TSCN/DT mức tiêu} = \frac{\text{TSCN thực tế}}{\text{Doanh thu ở mức công suất tối đa}}$$

$$\text{Nhu cầu TSCN} = \text{Tỷ lệ TSCN/DT mức tiêu} \times \text{DT dự kiến}$$

6- 48



## Ví dụ Công ty MicroDrive

Doanh thu mỗi công suất tài sản  
 $3.000/96\% = 3.125$  ngàn USD.

Tỷ lệ tài sản có sẵn/DT mức tiêu  
 $1.000/3.125 = 32\%$ .

Mỗi TSCN cần thiết

$32\% \times 3.300 = 1.056$  triệu USD.

Với mỗi tài sản thấp hơn, nhu cầu tài trợ  
 ngoài sinh giảm từ 118 triệu USD xuống còn:  
 $118 - 44 = 74$  triệu USD

6- 49



## TÀI TRỢ TỐT BÊN NGOÀI VÀ TĂNG TRƯỞNG

- ◆ Tài trợ tăng trưởng thấp, nguồn tài trợ nội  
 sinh (lợi nhuận giữ lại) có thể ảnh hưởng hơn mỗi  
 cần phải huy động từ bên ngoài.
- ◆ Khi tốc độ tăng trưởng tăng lên, nguồn tài  
 trợ nội sinh sẽ không đủ và công ty phải huy  
 động vốn từ thị trường vốn.
- ◆ Xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng và  
 nguồn tài trợ từ bên ngoài là công cụ hữu  
 dụng trong lập kế hoạch dài hạn.

6- 50



## Tốc độ tăng trưởng nội sinh

- ◆ Tốc độ tăng trưởng nội sinh là tốc độ tăng trưởng công ty  
 có thể đạt được mà không cần bất kỳ khoản tài trợ  
 từ bên ngoài. Hay nói cách khác, tài sản  
 tăng thêm của công ty nhờ tài trợ hoàn toàn bởi  
 lợi nhuận giữ lại.

- ◆ Ví dụ công ty ABC có:

◆  $ROA = 66 / 500 = .132$

◆  $b = 44 / 66 = .667$

$$\text{Internal Growth Rate} = \frac{ROA \times b}{1 - ROA \times b} = \frac{.132 \times .667}{1 - .132 \times .667} = .0965 = 9.65\%$$

6- 51



## Tốc độ tăng trưởng bền vững

- ◆ Tốc độ tăng trưởng bền vững là tốc độ tăng trưởng  
 công ty có thể đạt được mà không cần  
 phải huy động thêm vốn chủ sở hữu mới từ bên  
 ngoài. Nói cách khác, tài sản tăng thêm nhờ tài  
 trợ bằng lợi nhuận giữ lại và nợ vay mà vẫn duy  
 trì tỷ lệ nợ không đổi.

- ◆ Công ty ABC có:

◆  $ROE = 66 / 250 = .264$

◆  $b = .667$

$$\text{Sustainable Growth Rate} = \frac{ROE \times b}{1 - ROE \times b} = \frac{.264 \times .667}{1 - .264 \times .667} = .214 = 21.4\%$$

6- 52